

Số: 1462/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường, Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-ĐHNT, ngày 03/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-ĐHNT, ngày 12/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v thành lập các Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Tiểu ban chuyên môn khối ngành Kinh tế và KHXXHNV của Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường Đại học Nha Trang, Trường khoa Kinh tế, Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh (cập nhật năm 2024).

Điều 2. Quyết định này áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024.

Điều 3. Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Trường khoa Kinh tế, các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Quách Hoài Nam

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Ngành: Quản trị kinh doanh
Business Administration

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kinh tế
Tên chương trình	Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo	Tiến sĩ
Mã số ngành đào tạo	9340101
Tổng số tín chỉ	90
Thời gian đào tạo	3 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh
Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	10/2023 – 4/2024
Quyết định ban hành	Số 1462/QĐ-ĐHNT ngày 16 / 9 /2024

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh là đào tạo những nhà nghiên cứu, chuyên gia, quản lý có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, có phương pháp luận nghiên cứu vững chắc và có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, giải quyết những vấn đề mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và các lĩnh vực liên quan. Tiến sĩ được đào tạo theo chương trình này có thể đảm nhận công việc nghiên cứu, phân tích chuyên sâu, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, có thể phụ trách các hoạt động chuyên môn liên quan đến quản trị và kinh doanh cho các tổ chức Chính phủ, các Ngành, các Doanh nghiệp; có thể tham gia giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường học thuật.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo tiến sĩ Quản trị kinh doanh đào tạo người học có các kiến thức, năng lực và phẩm chất như sau:

1. PEO1: Đào tạo chuyên gia nghiên cứu, chuyên gia tư vấn, chuyên gia phân tích, nhà quản lý trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh cho các tổ chức Chính phủ, các Ngành Công nghiệp và các Doanh nghiệp.

chuyên môn, có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân trước tập thể.

12. PLO12: Có bản lĩnh vượt qua các khó khăn, thử thách và có trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể cũng như ý thức phục vụ cộng đồng.

V. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA

V.1 Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	x	x	x	x								
3					x	x	x	x				
4									x	x	x	x

V.2 Tương thích giữa chuẩn đầu ra với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam bậc 8

Kiến thức	Kỹ năng	Mức độ tự chủ và trách nhiệm
<ul style="list-style-type: none"> - KT1: Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học; - KT2: Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. - KT3: Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới. - KT4: Kiến thức về quản trị tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - KN1: Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. - KN2: Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn. - KN3: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - KN4: Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển. - KN5: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - TCTN1: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới. - TCTN2: Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau. - TCTN3: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. - TCTN4: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia. - TCTN5: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
KT1	x	x	x	x								
KT2	x	x	x	x								
KT3	x	x	x	x								
KT4	x	x	x	x								
KN1					x	x	x	x				
KN2					x	x	x	x				
KN3					x	x	x	x				
KN4					x	x	x	x				
KN5					x	x	x	x				
TCTN1									x	x	x	x
TCTN2									x	x	x	x
TCTN3									x	x	x	x
TCTN4									x	x	x	x
TCTN5									x	x	x	x

VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

1. Nghiên cứu, giảng dạy về quản trị kinh doanh tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu;
2. Nhà quản trị cấp cao tại các tổ chức kinh tế, tổ chức công, tổ chức phi lợi nhuận;
3. Tư vấn về các hoạt động xây dựng, triển khai và đánh giá chiến lược kinh doanh tại các doanh nghiệp.

VII. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng của người dự tuyển

a) Người học đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

2. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua hồ sơ dự tuyển và bảo vệ đề cương nghiên cứu.

VIII. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc chương trình:

Phần	Nội dung	Số học phần, số lượng	Khối lượng (tín chỉ, quy đổi tín chỉ)
1	Các học phần bổ sung kiến thức:		
1.1	- Đối với NCS tốt nghiệp ĐH bằng giỏi (chưa có bằng thạc sĩ)	12	30
1.2	- Đối với NCS có bằng thạc sĩ nhưng thuộc diện bổ sung kiến thức	3	8
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ:	4	8
2.1	- Các HP bắt buộc	2	4
2.2	- Các học phần tự chọn	2	4
3	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ		82
3.1	Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ	3	12
3.1.1	- Tiểu luận tổng quan	1	4
3.1.2	- Chuyên đề tiến sĩ	2	8
3.2	Bài báo khoa học hoặc công trình khoa học quy đổi đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên (theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước)	≥2	10
3.3	Luận án tiến sĩ		60
Tổng cộng:			90

2. Nội dung chương trình

Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức

1.1 Có bằng đại học (xếp hạng giỏi) ngành phù hợp: học bổ sung 30 tín chỉ gồm các học phần bắt buộc và tự chọn ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung							
1	POS501	Triết học/ Philosophy	4	x			
2	EC543	Khoa học quản lý/ Scientific Management	2		x		
3	EC535	Thương mại điện tử/ E-Commerce	2		x		
<i>Cộng: 6 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 2 TC)</i>							
Phần kiến thức cơ sở ngành							
1	ECS505	Kinh tế vi mô ứng dụng/ Applied Microeconomics	2	x			
2	ECS506	Kinh tế vĩ mô ứng dụng/ Applied Macroeconomics	2	x			
3	BUA520	Hành vi tổ chức/ Organisational Behavior	2		x		
4	BUA505	Quản trị công nghệ và đổi mới/ Management of Technology and Innovation	2		x		
5	TRE507	Quản trị chuỗi cung ứng/ Supply Chain Management	2		x		
<i>Cộng: 8 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 4 TC)</i>							
Phần kiến thức chuyên ngành							
1	BUA517	Quản trị nguồn nhân lực/ Human Resource Management	3	x			
2	BUA518	Quản trị sản xuất và điều hành/ Production and Operations Management	3	x			
3	MAR501	Quản trị Marketing/ Marketing Management	3	x			
4	FIB508	Quản trị tài chính/ Financial Management	2		x		

5	BUA501	Quản trị chiến lược/ Strategic Management	3	x			
6	BUA519	Nghệ thuật lãnh đạo/ Leadership	2		x		
6	BUA502	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh/ Research Methods in Business	2		x		
<i>Cộng: 16 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 4 TC)</i>							
Tổng số tín chỉ			30	20	10		

1.2 Người học có bằng thạc sĩ các ngành cần bổ sung kiến thức (tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm) phải học các học phần bổ sung theo yêu cầu của khoa/viện quản lý ngành và Tiểu ban xét tuyển. Khối lượng bổ sung kiến thức tối thiểu là 6 tín chỉ và tối đa là 9 tín chỉ được chọn trong danh mục các học phần đối với trường hợp của người học chỉ có bằng tốt nghiệp đại học.

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	HP tiên quyết	HK thực hiện
1	BUA517	Quản trị nguồn nhân lực/ Human Resource Management	3	x			
2	BUA501	Quản trị chiến lược/ Strategic Management	3	x			
3	BUA519	Nghệ thuật lãnh đạo/ Leadership	2		x		
4	BUA502	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh/ Research Methods in Business	2		x		
<i>Cộng: 8 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 2 TC)</i>							
Tổng số tín chỉ			8	6	2		

Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
1		Tổng quan về NCKH và phương pháp viết LATS	2	x					
2		Các công cụ trong NCKH kinh doanh	2	x					
3		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị marketing	2		x				

		và hành vi người tiêu dùng						
4		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng	2		x			
5		Các chuyên đề nghiên cứu về hành vi tổ chức	2		x			
6		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị nguồn nhân lực	2		x			
7		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị chiến lược	2		x			
8		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị tài chính công ty	2		x			
		Tổng số tín chỉ phần 2	8	4	4			

Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

TT	Nội dung	Định mức quy đổi (TC)	Số lượng	Ghi chú
3.1	Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ	12	3	
3.1.1	Tiểu luận tổng quan	4	1	
3.1.2	Chuyên đề tiến sĩ	4	2	
3.2	Bài báo khoa học hoặc công trình khoa học quy đổi	10	≥2	
3.3	Luận án	60	1	
	Tổng cộng số tín chỉ phần 3	82		

3. Mô tả tóm tắt và chuẩn đầu ra các học phần

(Xem phần phụ lục 1)

4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần và hoạt động học tập, nghiên cứu để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần (hoặc hoạt động)	Số TC	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Các học phần ở trình độ tiến sĩ														
	Các HP bắt buộc		8												
1		Tổng quan về NCKH và phương pháp viết LATS	2	x	x			x	x	x					
2		Các công cụ trong NCKH kinh doanh	2	x	x	x	x				x				
	Các HP tự chọn		4												
3		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị marketing và hành vi người tiêu dùng	2	x	x	x	x								
4		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng	2	x	x	x	x								
5		Các chuyên đề nghiên cứu về hành vi tổ chức	2	x	x	x	x								
6		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị nguồn nhân lực	2	x	x	x	x								
7		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị chiến lược	2	x	x	x	x								
8		Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị tài chính công ty	2	x	x	x	x								
II	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ														
1		Tiểu luận tổng quan	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
2		Chuyên đề tiến sĩ 1	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
3		Chuyên đề tiến sĩ 2	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4		Bài báo khoa học hoặc công trình khoa học quy đổi	10	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
		Luận án tiến sĩ	60	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

5. Các hướng nghiên cứu đề tài luận án:

1: Các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành Marketing: Quản trị marketing; Quản trị thương hiệu; Nghiên cứu về động cơ/thái độ/ý định/hành vi người tiêu dùng; Thương mại điện tử; Nghiên cứu thị trường trong hệ thống kinh doanh.

2: Các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành Quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng: Quản trị chiến lược và kinh doanh; Cạnh tranh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; BCS/KPI/OKR; Quản trị sự thay đổi trong tổ chức; Quản trị kinh doanh quốc tế; Quản trị dịch vụ; Logistic; Quản trị chuỗi cung ứng và các tác nhân trong chuỗi cung ứng; Hình thành và phát triển mạng lưới doanh nghiệp bền vững; Ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh; Nghiên cứu hiệu quả và năng suất trong sản xuất kinh doanh.

3: Các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành Tài chính: Quản trị tài chính công ty; Rủi ro và quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh; Đầu tư mạo hiểm trong kinh doanh.

4: Các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành Nhân sự: Quản trị các hoạt động chuyên môn trong tổ chức; Quản trị nguồn nhân lực; Phát triển văn hóa tổ chức trong doanh nghiệp; Phát triển bền vững doanh nghiệp; Ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh.

6. Kế hoạch học tập, nghiên cứu theo thiết kế chuẩn

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	<ul style="list-style-type: none">- Học các học phần bổ sung (nếu có);- Học các học phần trong chương trình tiến sĩ;- Viết tiểu luận tổng quan;- Xác định nội dung và đăng ký 2 chuyên đề.- Bắt đầu triển khai Chuyên đề nghiên cứu 1.	30 tín chỉ	<ul style="list-style-type: none">- Bảng điểm (chứng nhận) kết thúc học phần;- Quyết định giao chuyên đề;- Bản thảo chương 1 của luận án (tổng quan, vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu).- Bản thảo chuyên đề 1.
Năm thứ 2	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện chuyên đề nghiên cứu 1 và 2, song song với việc bắt đầu thực hiện các nội dung chính của luận án;- Viết bản thảo các chương tiếp theo của luận án;	30 tín chỉ	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo, bảo vệ các chuyên đề.- Các bài báo tham gia hội thảo KH hoặc bài báo nộp tạp chí.- Bản thảo chương tiếp

	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia seminar chuyên môn, sinh hoạt học thuật, tham gia các hội thảo khoa học; - Bắt đầu viết báo nộp các tạp chí có phản biện trong và ngoài nước có khung điểm 0,75 trở lên theo quy định của HĐ Giáo sư nhà nước. 		theo của luận án.
Năm thứ 3	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục tham gia sinh hoạt học thuật, các hội thảo khoa học; - Tiếp tục viết báo nộp các tạp chí trong và ngoài nước (để đủ điều kiện bảo vệ luận án cấp cơ sở); - Viết và hoàn thiện luận án đề nộp và bảo vệ cấp cơ sở. - Tiếp tục thực hiện công bố quốc tế hoặc trong nước trên các tạp chí có khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên; Hoàn chỉnh luận án để bảo vệ cấp trường. 	30 tín chỉ	<p>Luận án được bảo vệ cấp cơ sở (cấp khoa/viện) và các bài công bố,...</p> <p>Các bài báo, công trình khoa học quý đổi được công bố để đủ điều kiện bảo vệ luận án.</p> <p>Luận án được bảo vệ cấp trường.</p>

7. Đối sánh chương trình đào tạo trong và ngoài nước

(Xem phụ lục 2)

IX. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo tiến sĩ gồm 90 tín chỉ với thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế là 3 năm. Chương trình đào tạo được triển khai theo hệ thống đào tạo tín chỉ, cho phép NCS linh hoạt trong lập kế hoạch và triển khai việc học tập, nghiên cứu của cá nhân.

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Nha Trang. Theo lộ trình đào tạo, NCS sẽ học các học phần thuộc chương trình đào tạo tiến sĩ trong năm đầu tiên hoặc có thể kéo dài sang năm thứ hai, nhằm trang bị cho NCS các kiến thức cũng như công cụ nền tảng để nghiên cứu luận án. Từ năm thứ 2 và thứ 3 trở đi, NCS tập trung thực hiện đề tài luận án.

Các học phần được thiết kế và triển khai giảng dạy căn cứ theo mục tiêu của học phần, liên tục được cải thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp từ người học, các giảng viên trong Khoa cũng như các bên liên quan khác. Đối với các học phần tự chọn, người hướng dẫn sẽ tư vấn để NCS chọn các học phần phù hợp nhất nhằm trang bị kiến thức và công cụ mà NCS cần có để thực hiện đề tài luận án.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia sinh hoạt học thuật và các hội thảo, công bố trong nước và quốc tế trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, đăng ký sáng chế hoặc giải pháp hữu ích ..., viết luận án dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn khoa học là các nhiệm vụ quan trọng đối với hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ.

PHÓ TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Lê Kim Long

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



PGS.TS. Hồ Huy Trụ

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Quách Hoài Nam

Phụ lục 1

Mô tả tóm tắt và chuẩn đầu ra các học phần

Mã HP	Tên học phần	Số TC
	Tổng quan về NCKH và phương pháp viết LATS	2(2-0)
	<p>Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để chuẩn bị và thực hiện một nghiên cứu cụ thể, nội dung chính bao gồm: Lý thuyết về tri thức khoa học; Các triết lý trong nghiên cứu khoa học; Các phương pháp lựa chọn chủ đề nghiên cứu và tiêu chuẩn FINER; Xây dựng và kiểm định giả thuyết khoa học; Lược khảo lý thuyết; Các nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp; và Phương pháp viết luận án tiến sĩ.</p> <p>Chuẩn đầu ra của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu biết lý thuyết về tri thức khoa học và các triết lý trong nghiên cứu khoa học; 2. Biết cách lựa chọn chủ đề nghiên cứu và ứng dụng tiêu chuẩn FINER để đánh giá chủ đề nghiên cứu đã lựa chọn; 3. Biết cách xây dựng và kiểm định giả thuyết khoa học; 4. Ứng dụng các kỹ thuật lược khảo lý thuyết nhằm xác định khoảng trống trong nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng giả thuyết khoa học,...; 5. Ứng dụng các nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp cho nghiên cứu của mình; 6. Viết luận án tiến sĩ và các công bố khoa học. 	
	Các công cụ trong NCKH kinh doanh	2(1-1)
	<p>Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh các công cụ nghiên cứu định lượng nâng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh như mô hình phương trình cấu trúc (CB-SEM, PLS-SEM), các phương pháp phân tích đa biến khác (phân tích phân cụm, ...), và một số phương pháp nghiên cứu định tính.</p> <p>Chuẩn đầu ra của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu rõ bản chất của các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và các công cụ xử lý dữ liệu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. 2. Ứng dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và các kỹ thuật phân tích dữ liệu định tính trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. 3. Ứng dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và các kỹ thuật phân tích dữ liệu định lượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. 4. Sử dụng phần mềm xử lý dữ liệu phù hợp cho đề tài nghiên cứu khoa học của mình. 	
	Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị marketing và hành vi người tiêu dùng	2(0,7-1,3)
	<p>Các chuyên đề nghiên cứu marketing và hành vi tiêu dùng tập trung vào các nghiên cứu dựa trên nền tảng các lý thuyết chuyên sâu và nâng cao về marketing và hành vi tiêu dùng như Lý thuyết thái độ và sức mạnh thái độ, Lý thuyết giá trị cá nhân, Lý thuyết cá tính, Lý thuyết về sự thỏa mãn, trung thành của khách hàng, Lý thuyết</p>	

	<p>thương hiệu... Nội dung học phần được cấu trúc gồm nhiều chuyên đề, mỗi chuyên đề được xây dựng từ các bài báo khoa học đã được xuất bản bởi các tạp chí chuyên ngành hàng đầu trên thế giới về tâm lý, hành vi người tiêu dùng và marketing.</p>	
	<p>Chuẩn đầu ra của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu biết lý thuyết chính thuộc lĩnh vực marketing và hành vi tiêu dùng; 2. Lựa chọn các nghiên cứu phù hợp thuộc chủ đề nghiên cứu để xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp thuộc lĩnh vực marketing và hành vi tiêu dùng;; 3. Biết cách xây dựng và kiểm định giả thuyết khoa học thuộc lĩnh vực marketing và hành vi tiêu dùng; 4. Ứng dụng các kỹ thuật lược khảo lý thuyết nhằm xác định khoảng trống trong nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng giả thuyết khoa học thuộc lĩnh vực marketing và hành vi tiêu dùng; 5. Ứng dụng các nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp cho nghiên cứu thuộc lĩnh vực marketing và hành vi tiêu dùng; 6. Viết luận án tiến sĩ và các công bố khoa học thuộc lĩnh vực marketing và hành vi tiêu dùng. 	
	<p>Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng</p>	<p>2(0,7-1,3)</p>
	<p>Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng dựa trên nền tảng các lý thuyết chuyên sâu về quản trị sản xuất và điều hành, các lý thuyết ra quyết định và lý thuyết về quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp. Những chủ đề chính được nghiên cứu trong học phần này bao gồm thiết kế vận hành sản xuất, quản trị điều hành doanh nghiệp và quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp. Nội dung học phần được cấu trúc gồm nhiều chuyên đề, mỗi chuyên đề được xây dựng từ các bài báo khoa học đã được xuất bản bởi các tạp chí chuyên ngành hàng đầu trên thế giới về sản xuất, vận hành và quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.</p> <p>Chuẩn đầu ra của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái quát hóa các lý thuyết chính thuộc lĩnh vực quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng doanh nghiệp; 2. Lựa chọn các nghiên cứu phù hợp thuộc chủ đề nghiên cứu để xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp thuộc lĩnh vực quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng doanh nghiệp; 3. Thiết kế và triển khai được hệ thống sản xuất và vận hành trong doanh nghiệp 4. Xây dựng được mô hình quản trị chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp. 5. Ứng dụng các nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp cho nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng doanh nghiệp; 6. Viết luận án tiến sĩ và các công bố khoa học thuộc lĩnh vực quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng doanh nghiệp. 	
	<p>Các chuyên đề nghiên cứu về hành vi tổ chức</p>	<p>2(2-0)</p>
	<p>Học phần nghiên cứu hành vi của các cá nhân, nhóm, và cấu trúc trong tổ chức nhằm áp dụng những kiến thức này để cải thiện hiệu quả hoạt động của tổ chức. Những chủ đề chính được nghiên cứu trong học phần này bao gồm động lực và tạo động lực cá nhân trong tổ chức, hành vi nhóm, lãnh đạo, văn hoá tổ chức, quản trị sự</p>	

	thay đổi trong tổ chức, và định hướng thực hiện nghiên cứu trong hành vi tổ chức.	
	<p>Chuẩn đầu ra của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu biết lý thuyết chính thuộc lĩnh vực hành vi tổ chức; 2. Lựa chọn các nghiên cứu phù hợp thuộc chủ đề nghiên cứu để xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp thuộc lĩnh vực hành vi tổ chức; 3. Biết cách xây dựng và kiểm định giả thuyết khoa học thuộc lĩnh vực hành vi tổ chức; 4. Ứng dụng các kỹ thuật lược khảo lý thuyết nhằm xác định khoảng trống trong nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng giả thuyết khoa học thuộc lĩnh vực hành vi tổ chức; 5. Ứng dụng các nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp cho nghiên cứu thuộc lĩnh vực hành vi tổ chức; 6. Viết luận án tiến sĩ và các công bố khoa học thuộc lĩnh vực hành vi tổ chức. 	
	Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị nguồn nhân lực	2(0,7-1,3)
	<p>Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị nguồn nhân lực tập trung vào các nghiên cứu dựa trên nền tảng các lý thuyết chuyên sâu và nâng cao về quản trị nguồn nhân lực như: Lý thuyết về nguồn lực doanh nghiệp (RBV); Lý thuyết trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR); Lý thuyết về cam kết tổ chức (OCT); Lý thuyết các bên liên quan (ST); Lý thuyết quản trị hành vi (BMT); Lý thuyết phát triển nguồn nhân lực doanh nghiệp (HRDT); Lý thuyết phong cách lãnh đạo (LT); Quản trị nguồn nhân lực xanh (GHRM),... Nội dung học phần được cấu trúc gồm nhiều chuyên đề, mỗi chuyên đề được xây dựng từ các bài báo khoa học đã được xuất bản bởi các tạp chí chuyên ngành hàng đầu trên thế giới về quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>Chuẩn đầu ra của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu biết lý thuyết chính thuộc lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; 2. Lựa chọn các nghiên cứu phù hợp thuộc chủ đề nghiên cứu để xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp thuộc lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; 3. Biết cách xây dựng và kiểm định giả thuyết khoa học thuộc lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; 4. Ứng dụng các kỹ thuật lược khảo lý thuyết nhằm xác định khoảng trống trong nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng giả thuyết khoa học thuộc lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; 5. Ứng dụng các nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp cho nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; 6. Viết luận án tiến sĩ và các công bố khoa học thuộc lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực. 	
	Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị chiến lược	2(2-0)
	<p>Học phần này khái quát các trường phái, tư tưởng và cập nhật các kiến thức mới, nâng cao về quản trị chiến lược doanh nghiệp trong nền kinh tế toàn cầu. Bốn chuyên đề cốt lõi của học phần này bao gồm: (i) Tổng quan các lý thuyết kinh tế cốt lõi của chiến lược; (ii) Lý thuyết trò chơi (phát triển bởi John Nash) và ứng dụng trong chiến lược kinh doanh; (ii) Lợi thế cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh được</p>	

	phát triển bởi Micheal Porter; (iv) Chiến lược “Đại dương xanh” và chiến lược cạnh tranh trong thời đại toàn cầu hóa.	
	<p>Chuẩn đầu ra của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu biết lý thuyết chính thuộc lĩnh vực quản trị chiến lược; 2. Có khả năng áp dụng các lý thuyết vào thực tiễn sản xuất kinh doanh để phân tích và đề xuất chiến lược của doanh nghiệp hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hóa; 3. Lựa chọn các nghiên cứu phù hợp thuộc chủ đề nghiên cứu để xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp thuộc lĩnh vực quản trị chiến lược; 4. Có thể thực hiện nghiên cứu hàn lâm và nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực quản trị chiến lược. 	
	Các chuyên đề nghiên cứu về quản trị tài chính công ty	2(2-0)
	<p>Học phần cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng và phương pháp phân tích chuyên sâu về các khía cạnh quan trọng trong quản trị tài chính công ty, bao gồm quyết định cấu trúc vốn, quyết định đầu tư, quản trị rủi ro tài chính, chiến lược tài chính.</p> <p>Chuẩn đầu ra của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích và tư vấn các giải pháp hiệu quả về quyết định cấu trúc vốn cho các công ty. 2. Phân tích và tư vấn các giải pháp hiệu quả về quyết định đầu tư cho các công ty. 3. Phân tích và tư vấn các giải pháp hiệu quả về quản trị rủi ro tài chính cho các công ty. 4. Tư vấn xây dựng chiến lược tài chính hiệu quả cho các công ty. 	
	Tiểu luận tổng quan	4(4-0)
	<p>Chuyên đề tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Bố cục: Chuyên đề tổng quan gồm 4 phần:</p> <p>Phần 1: Tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu</p> <p>Phần 2: Đánh giá các nghiên cứu ngoài nước</p> <p>Phần 3: Đánh giá các nghiên cứu trong nước</p> <p>Phần 4: Các vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu</p>	
	Chuyên đề tiến sĩ 1	4(4-0)
	<p>Chuyên đề 1 là nội dung nghiên cứu nhằm xây dựng khung phân tích (Theoretical framework) chính của luận án tiến sĩ. Khung phân tích là một phần quan trọng trong các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực QTKD. Đây là một khối kiến thức lý thuyết và mô hình mà NCS sử dụng để đặt ra và giải thích vấn đề nghiên cứu của mình. Mục tiêu chính của khung phân tích là cung cấp một nền tảng lý thuyết cho nghiên cứu, giúp hiểu rõ hơn về vấn đề nghiên cứu và xây dựng một cơ sở lý thuyết cho các giả thuyết nghiên cứu. NCS lựa chọn các lý thuyết, mô hình hoặc khung lý thuyết có liên quan nhất đến đề tài nghiên cứu. Khung phân tích giúp NCS kết hợp lý thuyết</p>	

	<p>với dữ liệu nghiên cứu sau đó, tạo ra một cơ sở để hiểu và giải thích kết quả thu được từ nghiên cứu. Khung phân tích thể hiện các nội dung về khái niệm, định nghĩa các nhân tố chính, đánh giá lựa chọn khung phân tích của luận án tiến sĩ. Nội dung cần làm rõ vấn đề nghiên cứu, các cơ sở lý thuyết nền, đánh giá và lựa chọn lý thuyết chính để nghiên cứu. Nội dung của khung phân tích cũng bao gồm mô tả mối quan hệ giữa các yếu tố quan trọng trong lý thuyết và mối quan hệ này làm thế nào ảnh hưởng đến vấn đề nghiên cứu. Nó có thể bao gồm các biến, khái niệm và mối quan hệ giữa chúng, và cách mà nghiên cứu có thể đóng góp vào lĩnh vực lý thuyết, làm giàu và mở rộng hiểu biết hiện có. Theo đó, tổng quan các nghiên cứu liên quan, xác định khoảng trống nghiên cứu, xây dựng và phát triển các giả thuyết nghiên cứu, mô hình nghiên cứu... cần được thể hiện như các nội dung chính của Chuyên đề 1.</p> <p>Trong quá trình đào tạo, tùy thuộc vào tên đề tài luận án, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn có thể xác định các chuyên đề tiến sĩ và yêu cầu nghiên cứu sinh nghiên cứu để phù hợp với tên đề tài luận án.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Nghiên cứu sinh báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên đề trước hội đồng. Hội đồng đánh giá, chấm điểm theo thang điểm 10. Điểm chuyên đề tiến sĩ là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng có mặt. Điểm đạt yêu cầu là 5 điểm.</p> <p>Chuẩn đầu ra của Chuyên đề 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nắm vững phương pháp luận để xây dựng khung phân tích đối với một vấn đề nghiên cứu. 2. Phân tích, nhận diện được vấn đề nghiên cứu gắn với một bối cảnh lý luận và thực tiễn cụ thể. 3. Đánh giá và lựa chọn lý thuyết phù hợp để giải quyết vấn đề. 4. Xây dựng được khung phân tích chính của luận án tiến sĩ. 5. Tự chịu trách nhiệm về tính liên chính học thuật đối với toàn bộ nội dung của khung phân tích được xây dựng. 	
	Chuyên đề tiến sĩ 2	4(4-0)
	<p>Chuyên đề 2 thể hiện các nội dung về bối cảnh nghiên cứu, thiết kế quy trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận nghiên cứu, xây dựng và phát triển các đo lường, các công cụ phân tích.</p> <p>Trong quá trình đào tạo, tùy thuộc vào tên đề tài luận án, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn có thể xác định các chuyên đề tiến sĩ và yêu cầu nghiên cứu sinh nghiên cứu để phù hợp với tên đề tài luận án.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Nghiên cứu sinh báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên đề trước hội đồng. Hội đồng đánh giá, chấm điểm theo thang điểm 10. Điểm chuyên đề tiến sĩ là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng có mặt. Điểm đạt yêu cầu là 5 điểm.</p> <p>Chuẩn đầu ra của Chuyên đề 2:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nắm vững phương pháp luận để thiết kế nghiên cứu phù hợp nhằm giải quyết một vấn đề nghiên cứu cụ thể. 	

	<p>2. Lựa chọn và phân tích bối cảnh phù hợp gắn với vấn đề cần giải quyết.</p> <p>3. Xây dựng được thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải quyết vấn đề nghiên cứu.</p> <p>4. Xây dựng và phát triển được các thang đo tin cậy và giá trị.</p> <p>5. Lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp và hiện đại để giải quyết vấn đề đặt ra.</p> <p>6. Tự chịu trách nhiệm về tính liên chính học thuật đối với toàn bộ nội dung của khung phân tích được xây dựng.</p>	
	Bài báo khoa học hoặc công trình khoa học quy đổi	10(10-0)
	<p>Bài báo khoa học là một tài liệu trình bày kết quả của một nghiên cứu nghiêm túc và có hệ thống về một chủ đề cụ thể trong lĩnh vực QTKD. Một bài báo khoa học thường bao gồm các yếu tố sau: Mục tiêu nghiên cứu (Research objectives): Mô tả rõ ràng về mục tiêu hoặc vấn đề nghiên cứu mà tác giả đặt ra để giải quyết; Khung phân tích (Theoretical framework): Trình bày lý thuyết và mô hình nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu (Research methods): Mô tả cụ thể về phương pháp nghiên cứu được sử dụng để thu thập và phân tích dữ liệu, bao gồm cả thiết kế nghiên cứu, mô hình phân tích, và các phương tiện thu thập dữ liệu; Kết quả (Results): Báo cáo chi tiết và số liệu kết quả thu được từ quá trình nghiên cứu. Thông thường, dữ liệu được trình bày dưới dạng bảng, đồ thị hoặc hình ảnh minh họa; Thảo luận (Discussion): Đánh giá và giải thích ý nghĩa của kết quả, so sánh với các nghiên cứu trước đó, và thảo luận về những khía cạnh quan trọng của nghiên cứu; Kết luận (Conclusion): Tóm tắt lại những điểm chính và rút ra kết luận chính của nghiên cứu; Tài liệu tham khảo (References): Liệt kê đầy đủ thông tin của các tài liệu mà tác giả đã tham khảo và trích dẫn trong bài báo.</p> <p>Chuẩn đầu ra</p> <p>1. NCS có đủ năng lực nghiên cứu để độc lập hoặc tham gia nghiên cứu à viết báo khoa học đủ chất lượng đăng trên các tạp chí chuyên ngành thuộc lĩnh vực QTKD trong Danh mục xét chức danh GS của Hội đồng Chức danh GSNN.</p> <p>2. Tự chịu trách nhiệm về tính liên chính học thuật đối với toàn bộ nội dung của bài báo hoặc công trình quy đổi.</p>	
	Luận án tiến sĩ	60(60-0)
	<p>Là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo, sáng tạo trong lĩnh vực nghiên cứu, có đóng góp về mặt lý luận, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội. Luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng 150 trang A4 (không kể tài liệu tham khảo và phụ lục), trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Đóng góp mới của luận án có thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kết quả mới hay đề xuất mới có tác dụng bổ sung, phát triển hoặc làm phong phú thêm vốn kiến thức đã có của chuyên ngành. - Những ứng dụng sáng tạo và phát triển có cơ sở khoa học dựa trên các thành tựu đã có nhằm giải quyết những yêu cầu thiết thực của kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ. - Luận án có thể viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. 	

Phụ lục 2

ĐỐI SÁNH MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC¹

1. Đối sánh về mục tiêu đào tạo

BCN chương trình tự đối chiếu, so sánh với CTĐT tương ứng của trường khác: Trường ĐHKT, Trường Kinh tế- Đại học Đà Nẵng, Đại học Cần Thơ, Trường Kinh doanh-UEH, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT TS ngành QTKD của Khoa Kinh tế, Trường ĐHNT, xét về nội hàm là tương đồng rất cao so với CTĐT TS ngành QTKD của 4 Trường Đại học trên, mục tiêu đào tạo được phát biểu như sau “Chương trình nhằm đào tạo các tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, có đủ năng lực thực hiện được các nghiên cứu một cách độc lập, có thể đưa ra được các luận cứ khoa học về lĩnh vực quản trị và kinh doanh trên phương diện là các chuyên gia, góp phần cung cấp các cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển cũng như điều hành các tổ chức. Có tư duy phản biện, thích ứng với sự thay đổi và có năng lực hội nhập tốt”.

2. Đối sánh về chuẩn đầu ra

BCN chương trình tự đối chiếu, so sánh với CTĐT tương ứng của trường khác: Trường ĐHKT, Trường Kinh tế- Đại học Đà Nẵng, Đại học Cần Thơ, Trường Kinh doanh-UEH, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Chuẩn đầu ra của CTĐT TS ngành QTKD của Khoa Kinh tế, Trường ĐHNT, có một số khác biệt nhỏ về câu chữ, nhưng về nội hàm và số lượng CĐR là tương đồng rất cao so với CTĐT TS ngành QTKD của 4 Trường Đại học trên, nội dung của CĐR được phát biểu như sau:

PLO1: Áp dụng phù hợp các lý thuyết nền tảng trong việc xây dựng các khung nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PLO2: Giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PLO3: Ứng dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng mới để thực hiện nghiên cứu thuộc các chuyên môn sâu được đào tạo về bốn hướng chuyên ngành Marketing, Quản trị sản xuất điều hành và chuỗi cung ứng, Tài chính, và Nhân sự;

PLO4: Có tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp và xã hội cao.

PLO5: Công bố nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế uy tín và hình thành được năng lực nghiên cứu độc lập ở trình độ và chất lượng cao.

3. Đối sánh về cấu trúc chương trình đào tạo

3. Đối sánh về cấu trúc chương trình đào tạo

Phần	Nội dung	Số tín chỉ của ĐHNT	Số tín chỉ của các trường đối sánh			
			CT1	CT2	CT3	CT4

¹ Các đối sánh khác về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, đánh giá người học, hoạt động hỗ trợ người học, phương pháp giảng dạy tạm thời chưa đối sánh vì khó thu thập dữ liệu của các CTĐT ở các trường khác.

1	Các HP bổ sung kiến thức:					
1.1	- Đối với NCS tốt nghiệp ĐH bằng giỏi (chưa có bằng thạc sĩ)	30	30	30	30	30
1.2	- Đối với NCS có bằng thạc sĩ nhưng thuộc diện bổ sung kiến thức	6 ÷ 9	10-12	9	9	9
2	Các HP ở trình độ tiến sĩ:	8	12	11	16	15
2.1	- Các HP bắt buộc	2-4	8	7	10	9
2.2	- Các học phần tự chọn	4-6	4	4	6	6
3	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	82	78	70	74	75
3.1	Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ	12	8	9	9	10
3.1.1	- Tiểu luận tổng quan	4	2	3	3	4
3.1.2	- Các chuyên đề tiến sĩ	8	6	6	6	6
3.2	Bài báo khoa học hoặc công trình khoa học quy đổi đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên (theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước)	10	?	11	15	15
3.5	Luận án tiến sĩ	60	70	50	50	50
Tổng cộng (không tính các HP bổ sung)		90	90	90	90	90

4. Đối sánh về các học phần ở trình độ tiến sĩ

TT	Tên học phần	CT1	CT2	CT3	CT4
1	Tiểu luận tổng quan	X	X	X	X
2	Chuyên đề nghiên cứu 1	C	C	C	C
3	Chuyên đề nghiên cứu 2	C	C	C	C
4	Thiết kế nghiên cứu	X	C	x	C
5	Phương pháp nghiên cứu định tính trong kinh doanh	X	X	X	X
6	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh doanh	X	X	X	X
7	Tư duy chiến lược	C			
8	Lãnh đạo	C		C	C
9	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược	X			

10	Quản trị tri thức	C			
11	Quản trị sự thay đổi và phát triển tổ chức			C	
12	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo			C	
13	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và Phát triển bền vững			C	
14	Chiến lược kinh doanh quốc tế		C		C

Ghi chú: C (close): học phần có nội dung gần; X: học phần có nội dung tương thích.

Về cơ bản có sự tương đồng cao giữa 04 CTĐT. Một số khác biệt liên quan đến các học phần tự chọn như: Quản trị tri thức, Quản trị sự thay đổi và phát triển tổ chức, Lãnh đạo, Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và Phát triển bền vững, ... tuy nhiên, các học phần này đã được trang bị trong CTĐT ở bậc đại học và cao học Ngành Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế, Trường ĐHTT.

5. Đối sánh về hướng nghiên cứu của đề tài luận án.

Có sự tương đồng khá cao giữa 04 CTĐT của 04 Trường liên quan đến chủ đề như: Các vấn đề về chiến lược, Các vấn đề về chuỗi cung ứng, Các vấn đề về điều hành tổ chức, về lãnh đạo và văn hóa tổ chức, về hành vi người tiêu dùng và marketing, về hành vi tổ chức và nguồn nhân lực, về kinh tế số, kinh doanh số, và các vấn đề cụ thể khác thuộc ngành QTKD tùy theo đề tài luận án.

6. Đối sánh về kết quả đầu ra của NCS

Về cơ bản yêu cầu đầu ra giữa 04 CTĐT của 04 Trường là như nhau, đều có các yêu cầu chung như sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của Trường đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Trường (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường.

7. Các đối sánh khác: Không

(Chi tiết của các chương trình đào tạo đối sánh được liệt kê đính kèm)

TT	Tên chương trình – Trường (tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu
1	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	http://due.udn.vn/Portals/0/Editor/Khoa_QTKD/TS.NGANH%20QTKD.CT%C4%90T.Full.pdf
2	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Cần Thơ	https://www.ctu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-sau-dai-hoc.html

3	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ quản trị kinh doanh của Trường Kinh doanh - UEH	https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/tien-si-chuyen-nganh-quan-tri-kinh-doanh/
4	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng	https://fba.tdtu.edu.vn/tuyen-sinh/chuong-trinh-tien-si-quan-tri-kinh-doanh-phd